

Bản án số: 31/2019/HSST
Ngày: 12/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L - THÀNH PHỐ Đ.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Kim Cúc.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Bình**

Bà **Huỳnh Thị Lệ**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Kim Ánh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Mạnh Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 17/2019/HSST ngày 31/01/2019 đối với bị cáo:

Lê Thị N - Sinh ngày: 05/7/1970 tại Thành phố Đ; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn T (c) và bà Phan Thị L. Chồng: Trần Văn D và có 04 con.

Tiền án:

- Ngày 19/12/2005, bị Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Đ tuyên phạt 09 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản.

- Ngày 19/01/2007, bị Tòa án nhân dân quận L, Thành phố Đ tuyên phạt 12 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản.

- Ngày 24/5/2007 bị Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Đ tuyên phạt 12 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt với Bản án của Tòa án nhân dân quận L thành hình phạt chung là 24 tháng tù giam.

- Ngày 26/5/2009, bị Tòa án nhân dân quận L, Thành phố Đ tuyên phạt 36 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản.

- Ngày 07/3/2014 bị Tòa án nhân dân quận S, Thành phố Đ tuyên phạt 48 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản. Chấp hành xong bản án ngày 28/10/2017.

Tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/11/2018. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Chị **Đinh Thị Hoa T** - Sinh năm: 1984. Địa chỉ: Tổ 31, phường H, quận L, thành phố Đ. Vắng mặt.
- Chị **Nguyễn Thị Kiều T1** - Sinh năm: 1967. Địa chỉ: Số 316 đường T, phường H, quận L, thành phố Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Chị **Trần Thị Đ** - Sinh năm: 1961. Địa chỉ: Tổ 99, phường H, quận L, thành phố Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 09h10' ngày 25/10/2018, Lê Thị N đi đến tiệm tạp hóa của chị Đinh Thị Hoa T, trú tổ 31, phường H, quận L, Thành phố Đ và lợi dụng sự sơ hở của chị Trinh, Lê Thị N đi vào trong tiệm mở ngăn kéo lấy trộm 500.000 đồng rồi bỏ đi. Số tiền này, Lê Thị N tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 07h20' ngày 07/11/2018, Lê Thị N tiếp tục đi đến tiệm thuốc tây của chị Nguyễn Thị Kiều T1 tại 316 đường T, phường H, quận L, Thành phố Đ, lợi dụng sự sơ hở của chị T1, N đi vào tiệm mở ngăn kéo lấy trộm 28.150.000 đồng rồi bỏ đi. Số tiền trộm được, N mua 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng và 01 lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng với giá 21.800.000 đồng và đã bị Cơ quan điều tra thu giữ, số tiền còn lại Lê Thị N tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 08h00' ngày 20/11/2018, Lê Thị N tiếp tục đi đến quán tạp hóa của chị Trần Thị Đ trú tổ 99, phường H, quận L, Thành phố Đ trộm cắp 100.000 đồng thì bị chị Đ phát hiện và truy hô mọi người bắt giữ N và báo Công an phường H đến để đưa về trụ sở làm việc.

Tổng giá trị tài sản Lê Thị N đã chiếm đoạt là 28.750.000 đồng (Hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

*** Tang vật tạm giữ gồm:**

- 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng và 01 lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng; 100.000 đồng.

*** Xử lý vật chứng:**

- 100.000 đồng Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại tài sản cho chị Trần Thị Đ. Chị Đ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.
- Tiếp tục quy trữ 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng và 01 lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng để đảm bảo thi hành án.

*** Về dân sự:** Người bị hại chị Nguyễn Thị Kiều T1 yêu cầu Lê Thị N bồi thường số tiền 28.150.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 29/01/2019 bị cáo Lê Thị N bị Viện kiểm sát nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, g, khoản 2 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và căn cứ vào tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo Lê Thị N, đề nghị HĐXX:

- Áp dụng điểm b, g, khoản 2 Điều 173 BLHS, Điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự. Xử phạt: Lê Thị N từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về phần dân sự: Người bị hại chị Nguyễn Thị Kiều T1 yêu cầu Lê Thị N bồi thường số tiền 28.150.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt. Yêu cầu của chị T1 là phù hợp, nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết về xử lý vật chứng như đã đề cập tại bản cáo trạng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Thị N đã khai báo thành khẩn hành vi phạm tội của mình. Bị cáo N cho rằng cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, g, khoản 2 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội. Bị cáo đã thấy được sai trái, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với tang vật chứng đã thu giữ, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 07h20’ ngày 07/11/2018, tại 316 T, phường H, quận L, Thành phố Đ, Lê Thị N có hành vi trộm cắp 28.150.000 đồng của chị Nguyễn Thị Kiều T1.

Ngoài ra khoảng 09h10’ ngày 25/10/2018, Lê Thị N trộm cắp 500.000 đồng của chị Đinh Thị Hoa T và khoảng 08h00’ ngày 20/11/2018 trộm cắp 100.000 đồng của chị Trần Thị Đ.

Hành vi của bị cáo Lê Thị N đã bị Viện kiểm sát nhân dân quận L, Thành phố Đ truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất nghiêm trọng của vụ án, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Mặc dù Lê Thị N nhận thức rõ việc xâm phạm tài sản của người khác sẽ bị pháp luật trừng trị, nhưng do muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo bắt chập. Hành vi của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an xã hội.

Bị cáo Lê Thị N có 05 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”. Trong đó: Tại Bản án số 14/2014/HSST ngày 07/3/2014 của Tòa án nhân dân quận S áp dụng tình tiết định khung có tính chất chuyên nghiệp, tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b, c, Khoản 2, Điều 138 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, chưa được xóa án tích nay bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, hành vi trên đây của bị cáo Lê Thị N đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt “có tính chất chuyên nghiệp” và “tái phạm nguy hiểm” được quy định tại Điểm b, g Khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự nên cần xử phạt với mức án nghiêm minh.

[4] Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Thái độ khai báo thành khẩn, tự thú những lần phạm tội trước đó, hoàn cảnh gia đình khó khăn để giảm cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Nguyễn Thị Kiều T1 yêu cầu Lê Thị N bồi thường số tiền 28.150.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt. HĐXX xét yêu cầu của chị T1 là có cơ sở nên chấp nhận.

Đối với chị Trần Thị Đ đã nhận lại số tiền 100.000 đồng và chị Đinh Thị Hoa T không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 500.000 đồng nên HĐXX không đề cập.

[6] Về xử lý vật chứng: Tiếp tục quy trừ 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng và 01 lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng để đảm bảo thi hành án. Tang vật hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Đà Nẵng đang lưu giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19/02/2019.

[7] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Lê Thị N phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 1.407.500 đồng án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Bị cáo Lê Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm b, g khoản 2 Điều 173, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

- **Lê Thị N 04 năm 06 tháng (Bốn năm sáu tháng)** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584 BLDS.

Buộc bị cáo Lê Thị N phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kiều T1 số tiền 28.150.000 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, điều 106 BLTTHS năm 2015.

Tiếp tục quy trừ 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng và 01 lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng để đảm bảo thi hành án. Tang vật hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Đà Nẵng đang lưu giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19/02/2019.

4. Về án phí: Bị cáo Lê Thị N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí HSST và 1.407.500 đồng (một triệu bốn trăm lẻ bảy ngàn năm trăm đồng) án phí DSST.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND quận L;
- Viện KSND Thành phố Đ;
- Chi cục T.H.A DS Q.L;
- Công an quận L;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Cúc